

Bản án số: 48/2020/HS-PT

Ngày 04 – 6 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CM tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh CM xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố CM.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 tại TB, CM; nơi đăng ký thường trú: Ấp Kinh 5A, xã TP, huyện TB, tỉnh CM; chỗ ở hiện nay: Khóm 1, phường 8, thành phố CM, tỉnh CM; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Quảng (đã chết) và bà Võ Thị Lê (đã chết); vợ: Lê Thị Mía (đã ly hôn), con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2019; bị cáo tại ngoại có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2019, Nguyễn Văn B lên mạng xã hội “Zalo” phát hiện có tài khoản tên là “B Bảy” có làm các loại giấy tờ nhà, đất nên B liên hệ với tài khoản trên để làm giấy tờ phân đất thuộc khóm 1, phường 8, thành phố CM hiện B đang ở với giá 13.000.000đ. Sau đó, có đối tượng tên Tân (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) đến nhà gặp trực tiếp B để lấy thông tin về thửa đất và hẹn khoảng 10 ngày

sau sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đến hẹn, Tân mang “01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 162570 tên Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; CMND số: 380738806; địa chỉ thường trú: Đường Hồ Nay, khóm 1, phường 8, thành phố CM; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: phường 8, thành phố CM; diện tích 168m² do UBND thành phố CM cấp ngày 22/5/2017; người ký là Phó Chủ tịch UBND thành phố CM – Ông Huỳnh Thanh Dũng” đến cho B. Sau khi nhận giấy trên, B trả cho Tân số tiền 3.000.000đ và kêu Tân ngồi đợi B mượn thêm số tiền 10.000.000đ để trả tiếp cho Tân thì Tân nói không cần và nhanh chóng bỏ đi, B có liên hệ với Tân qua điện thoại nhưng không liên lạc được. Lúc này, B biết giấy chứng nhận Tân vừa mới đưa là giả.

Ngày 17/6/2019, B gặp anh Trần Đăng Thành đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô cho anh Thành xem và thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay số tiền 100.000.000đ. Sau đó, B đưa anh Thành đến xem thực tế vị trí thửa đất thì anh Thành đồng ý, nhưng anh Thành yêu cầu ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng xong, anh Thành mới giao tiền. Ngày 18/6/2019, B mang giấy chứng nhận nêu trên đến Văn phòng Công chứng Lê Bích Trân thuộc khóm 2, phường 4, thành phố CM để làm hợp đồng chuyển nhượng. Tại đây, Công chứng viên Lê Bích Trân tiếp nhận hồ sơ và nghi ngờ giấy chứng nhận của B mang đến làm thủ tục là giả nên trình báo Công an để làm rõ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 162570 tên Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; CMND số: 380738806; địa chỉ thường trú: Đường Hồ Nay, khóm 1, phường 8, thành phố CM.

Tại Kết luận giám định số: 122/GĐ-2019 ngày 27/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh CM kết luận:

- Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Huỳnh Thanh Dũng, dưới mục “**PHÓ CHỦ TỊCH**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, số: CA 162570, họ tên Nguyễn Văn B, ngày 22/5/2017 (ký hiệu A) so với 06 (sáu) chữ ký dưới cụm từ “**Nguyên phó chủ tịch UBND TP CM**” trên “**BIÊN BẢN V/v thu mẫu chữ ký**” ngày 23/9/2019 (ký hiệu M1) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CM T. CM**” dưới mục “**PHÓ CHỦ TỊCH**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, số: CA 162570, họ tên Nguyễn Văn B, ngày 22/5/2017 (ký hiệu A) so với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CM T. CM**” dưới mục “**Cùng tiến hành lập biên bản về việc thu mẫu dấu của cơ quan: UBND TP CM**” trên “**BIÊN BẢN V/v thu mẫu dấu**” ngày 17/9/2019 (ký hiệu M2) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Phôi “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, số: CA 162570, họ

tên Nguyễn Văn B, ngày 22/5/2017 (ký hiệu **A**) là **giả**. Quá trình điều tra, B hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố CM quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CM tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận: Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 162570 tên Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; CMND số: 380738806; địa chỉ thường trú: Đường Hồ Nay, khóm 1, phường 8, thành phố CM giả do Tân giao. Đến ngày 17/6/2019 Nguyễn Văn B nảy sinh ý định lừa dối anh Trần Đăng Thành là đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photô cho anh Thành xem và thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay số tiền 100.000.000đ nhưng anh Thành yêu cầu đến Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng xong, anh Thành mới giao tiền. Ngày 18/6/2019, B mang giấy chứng nhận nêu trên đến Văn phòng Công chứng Lê Bích Trân tiếp nhận hồ sơ và nghi ngờ giấy chứng nhận của B mang đến làm thủ tục là giả nên trình báo Công an đến lập biên bản thì bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố CM xử bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn B, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng bị cáo không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả cho đến khi ra phòng công chứng bị phát hiện thì bị cáo mới biết mình sử dụng giấy tờ là giả. Xét lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở bởi lẽ: Quá trình điều tra thể hiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là đã có dự mưu từ trước vì bị cáo biết rất rõ phần đất của mình nằm trong quy hoạch nên không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo tìm thông tin trên mạng và liên hệ với người làm giấy tờ giả để vay tiền. Bị cáo thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra là do tự nguyện khai hoàn toàn không bị ai ép buộc hay ép cung nhục hình, đồng thời bị cáo cũng không khiếu nại gì đối với hành vi và các quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa bị cáo đưa ra các lý do để xin hưởng án treo đó là: Bản thân bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo từng là quân nhân, có thời gian công tác, phục vụ cho Tổ quốc và vào năm 2009, được Trung đoàn Bộ binh 896 tặng giấy khen, hiện tại bị cáo đang bệnh tiểu đường tuýp 2 và sống một mình do vợ đã ly hôn. Xét thấy, các lý do trên là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được cấp sơ thẩm xem xét. Đối với việc bị cáo cho rằng bản thân đang bệnh tiểu đường tuýp 2 và sống một mình do vợ đã ly hôn, xét đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật. Như vậy, án sơ thẩm khi quyết định mức hình phạt 03 tháng tù đối với bị cáo là đã có xem xét toàn diện vụ án cũng như căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo từ đó áp dụng Điều 54 xử phạt hạ khung đối với bị cáo là đã tương xứng và phù hợp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết, nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B cũng xác định ngoài các lý do nêu trên thì không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ hay tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Từ nhận định trên nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo B, cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo B như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CM là phù hợp.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo B phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố CM;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo B chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CM;
- Công an tỉnh CM;
- Tòa án nhân dân thành phố CM;
- Công an thành phố CM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố CM;
- Chi cục THADS thành phố CM;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Châu Minh Hoàng